

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Áp dụng cho các khoá Đại học chính quy tuyển sinh từ năm 2024

(Ban hành kèm theo quyết định số, ngày ../../20.. của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo: Đông Phương học (chuyên ngành Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc)

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Đông Phương học

- Tên tiếng Anh: Oriental Studies

- Tên tiếng Nhật: 東洋学

- Tên tiếng Hàn: 동방학

4. Mã ngành: 7310608

5. Loại hình đào tạo: Chính quy

6. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

7. Tổng khối lượng kiến thức: 152 tín chỉ (120 tín chỉ tích lũy và 32 tín chỉ không tích lũy)

8. Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân Đông Phương học

- Tên tiếng Anh: Bachelor of Oriental Studies

9. Khoa chủ quản: Khoa Ngoại ngữ - Khoa học xã hội

- Địa chỉ văn phòng: 80 Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu

- Điện thoại liên lạc: 0254.7305 456 (số nhánh 3121)

- Website: <https://bv.edu.vn/khoa-ngoai-ngu-khoa-hoc-xa-hoi/>

- Email: khoangoaingu-khxxh@bv.edu.vn

10. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp ngành Đông Phương học (chuyên ngành Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc) của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu, sinh viên có thể đảm nhận các công việc như:

- Trong thời gian đầu (ít hơn 3 năm), SV có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Giáo viên ngoại ngữ, giáo viên đất nước học Hàn Quốc tại các trường phổ thông, trung cấp, và cao đẳng;
- Công tác biên phiên dịch tiếng Hàn cho các công ty;
- Hướng dẫn viên du lịch Hàn Quốc, biên dịch/biên tập viên của các tạp chí về văn hóa Hàn Quốc;
- Nhân viên hải quan, nhân viên Sở Ngoại vụ, nhân viên các cơ quan an ninh, xuất nhập cảnh,...
- Làm công tác nghiên cứu lĩnh vực đất nước học Hàn Quốc tại các trường đại học, cơ quan, viện hoặc trung tâm nghiên cứu.

- Từ 3-5 năm có khả năng đảm trách các vị trí:
 - Giáo viên ngoại ngữ, giáo viên đất nước học tại các trường cao đẳng; và đại học;
 - Trợ lý giám đốc/Phiên dịch tại các công ty liên doanh và 100% vốn của Hàn Quốc;
 - Thư ký tổng hợp các văn phòng trong nước và Hàn Quốc;
 - Nhân viên xuất nhập khẩu tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.
 - Khởi nghiệp kinh doanh
- Về dài hạn (trên 5-10 năm) có thể phát triển nghề nghiệp ở những vị trí cấp cao:
 - Quản lý trung tâm/ quản lý bộ môn tại các trung tâm ngoại ngữ, các trường đại học và cao đẳng;
 - Tổng vụ/quản trị nhân sự tại các công ty thương mại, doanh nghiệp trong và ngoài nước;
 - Giám đốc bộ phận chăm sóc/ dịch vụ khách hàng tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Đông Phương học theo định hướng ứng dụng

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức bảo vệ Tổ quốc và sức khỏe tốt;
- Có đầy đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu cùng kiến thức thực tế cần thiết để làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp, doanh nghiệp sử dụng tiếng Hàn làm công cụ chính;
- Có khả năng làm việc độc lập, tự học, nghiên cứu, sáng tạo, khởi nghiệp
- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học đạt mức chuẩn tối thiểu của khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Có kỹ năng mềm cần thiết đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong lĩnh vực Đông Phương học và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức	
PO1	Cung cấp cho sinh viên đầy đủ kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, Quốc phòng – an ninh, ngoại ngữ, tin học,...
PO2	Trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành trong lĩnh vực Đông Phương học: kiến thức về ngôn ngữ (tiếng Hàn) và kiến thức về tự nhiên, văn hóa - xã hội và dân cư của Hàn Quốc, ... để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.
Kỹ năng	
PO3	Phát triển kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ (tiếng Hàn), kỹ năng mềm cho sinh viên trong lĩnh vực Đông phương học.
PO4	Xây dựng cho sinh viên kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp trong lĩnh vực Đông phương học.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PO5	Bồi dưỡng và rèn luyện cho sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, bảo vệ đất nước.

PO6	Hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học, học tập suốt đời để thích ứng trong mọi điều kiện làm việc trong lĩnh vực Đông phương học.
-----	---

* POs: Programme Objectives

III. CHUẨN ĐẦU RA

Kiến thức	
PLO1	Sinh viên có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
PLO2	Sinh viên có kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
PLO3	Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực Đông Phương học. Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ vào thực tế công việc; Trình bày và giải thích được các kiến thức liên quan trong lĩnh vực đất nước học đất nước học Hàn Quốc.
PLO4	Sinh viên có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình hoạt động chuyên môn, biết được các phương thức chủ động nghiên cứu, sáng tạo, phát triển ý tưởng khởi nghiệp trong lĩnh vực Đông Phương học.
PLO5	Sinh viên có các kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Đông Phương học. Nhận định được tình hình hoạt động của đơn vị cũng như lý giải được sự tác động của xã hội đối với nơi mình làm việc để qua đó xây dựng được mục tiêu, kế hoạch phát triển đơn vị.
PLO6	Có thể học lên bậc sau đại học thuộc lĩnh vực Đông Phương học, các ngành gần, ngành khác theo quy định của pháp luật.
Kỹ năng	
PLO7	Có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp Hàn Quốc về năng lực ngoại ngữ cụ thể như sau: - TOPIK 3 hoặc tương đương Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel, Powerpoint theo chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist)
PLO8	Có kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp: sự khác biệt về văn hoá, khả năng phân tích nhận diện các cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp cũng như tham mưu cho doanh nghiệp trong công tác hoạch định chiến lược phát triển của đơn vị.
PLO9	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tìm việc, tạo việc làm cho mình và cho người khác. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp để hoàn thành công việc được giao trên cơ sở có trách nhiệm đối với xã hội và hợp pháp.
PLO10	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PLO11	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Biết tôn trọng sự khác biệt giữa các thành viên trong nhóm và tìm sự thống nhất thông qua thảo luận. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động thuộc lĩnh vực Đông Phương học.
PLO12	Tuân thủ quy định của luật pháp, tuân thủ chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc nghề nghiệp. Tích cực tham gia các phong trào trong và ngoài trường
PLO13	Tinh thần học tập tự giác cao độ, sáng tạo trong học tập thông qua các hoạt động học thuật trong và ngoài trường và không ngừng học tập nâng cao kiến thức chuyên môn.

* PLOs: *Programme Learning Outcomes*

IV. CHUẨN ĐẦU VÀO

Chuẩn đầu vào của Ngành Đông Phương học thực hiện theo quy định trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo của Ngành Đông Phương học hệ đại học chính quy được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà Trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp của sinh viên ngành Đông Phương học tuân theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà Trường.

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
I.KIẾN THỨC TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Kiến thức giáo dục đại cương	40	33,33%
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80	66,67%
2.1	<i>Cơ sở ngành, chuyên ngành</i>	62	
2.2	<i>Học kì doanh nghiệp</i>	10	
2.3	<i>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế</i>	8	
TỔNG CỘNG		120	100%
II.KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Giáo dục quốc phòng và an ninh	08*	
2	Giáo dục thể chất	03*	
3	Chuẩn đầu ra tin học	06*	
4	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ	12*	
5	Chuẩn đầu ra kỹ năng mềm	03*	
TỔNG CỘNG		32*	
<i>Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra.</i>			

VII. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
I.KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			40					11
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	6		2
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	4	0101122791	1
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0101122792	1
4	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0101060020	1
5	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0101060016	1

6	0101120613	Nhập môn Ngành Đông Phương học	3	3	0	6		1
7	0101120895	Nghe - Nói 1 (tiếng Hàn)	3	2	1	6		
8	0101122968	Ngữ pháp - Viết 1 (tiếng Hàn)	3	2	1	6		
9	0101120899	Nghe - Nói 2 (Tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120895	
10	0101122969	Ngữ pháp - Viết 2 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101122968	
11	0161124298	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3	2	1	6		
12	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
13	0161124352	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3	2	1	6		
14	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	3	3	0	6		3
15	0101121854	Văn hóa – văn minh phương Đông	2	2	0	4		0
I. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			23					0
16	0101120971	Quan hệ quốc tế ở phương Đông	2	2	0	4		
17	0101120914	Địa lý cư dân Hàn Quốc	3	3	0	6		
18	0101120918	Văn hóa xã hội Hàn Quốc	3	3	0	6		
19	0101120915	Lịch sử Hàn Quốc	3	3	0	6		
20	0101124107	Tác phong làm việc trong doanh nghiệp Hàn Quốc	3	3	0	6		
21	0101120925	Chính sách đối ngoại Hàn Quốc	3	3	0	6		
22	0101120897	Độc hiểu 1 (tiếng Hàn)	3	2	1	6		
23	0101120902	Độc hiểu 2 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120897	
III.KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			39					0
24	0101123892	Thực hành dịch (tiếng Hàn)	3	2	1	6		
25	0101120903	Nghe - Nói 3 (Tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120899	
26	0101120904	Độc hiểu 3 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120902	
27	0101122970	Ngữ pháp - Viết 3 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101122969	
28	0101120906	Nghe - Nói 4 (Tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120903	

29	0101120908	Đọc hiểu 4 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120904	
30	0101122972	Ngữ pháp - Viết 4 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101122970	
31	0101120911	Nghe - Nói 5 (Tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120906	
32	0101120917	Đọc hiểu 5 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120908	
33	0101122974	Ngữ pháp - Viết 5 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101122972	
34	0101120920	Nghe - Nói 6 (Tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120911	
35	0101120921	Đọc hiểu 6 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120917	
36	0101122971	Ngữ pháp - Viết 6 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101122974	
IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP			10					0
37	0101120744	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8		
38	0101124479	Văn hoá doanh nghiệp Hàn Quốc	3	2	1	6		
39	0101124110	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp (Nhật Bản/Hàn Quốc)	3	0	3	6		
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ			8					2
<i>Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế</i>								
40	0101123464	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	16		
<i>Các học phần thay thế</i>								
40a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		
40b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	1	1	4		
40c	0101120919	Kinh tế Hàn Quốc	2	2	0	4		
40d	0101124112	Kỹ năng viết văn bản (tiếng Hàn)	2	2	0	4		
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			32*					1
41	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	8*	5	3	16		
42	0101123628	Giáo dục thể chất *	2*	0	2	4		
43	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	0	1	2	0101123628	
44	0101123664	Mos Word*	2*	1	1	4	0101123626	
45	0101123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	0101123664	

46	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	1	1	4	0101123665	
47	0160124313	Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá*	3*	3	0	6		1
48	0101124117	TOPIK 2A CĐR (tiếng Hàn)*	3*	2	1	6		
49	0101124118	TOPIK 2B CĐR (tiếng Hàn)*	3*	2	1	6	0101124117	
50	0101124119	TOPIK 3A CĐR (tiếng Hàn)*	3*	2	1	6	0101124118	
51	0101124120	TOPIK 3B CĐR (tiếng Hàn)*	3*	2	1	6	0101124119	
<i>Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra.</i>								

VIII.KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
NĂM THỨ NHẤT								
HỌC KỲ 1			9					2
1	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
2	0101120613	Nhập môn ngành Đông phương học	3	3	0	6		1
3	0161124298	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3	2	1	6		
HỌC KỲ 2			17					
1	0101123664	Mos Word*	2*	1	1	4	0101123626	
2	0160124313	Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá*	3*	3	0	6		
3	0161124352	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3	2	1	6		
4	0101120895	Nghe - Nói 1 (tiếng Hàn)	3	2	1	6		
5	0101120897	Đọc hiểu 1 (tiếng Hàn)	3	2	1	6		
6	0101122968	Ngữ pháp - Viết 1 (tiếng Hàn)	3	2	1	6		
HỌC KỲ 3			16					3
1	101123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	0101123664*	
2	0101123628	Giáo dục thể chất*	2*	0	2	4		

3	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	3	3	0	6		3
4	0101120899	Nghe - Nói 2 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120895	
5	0101120902	Đọc hiểu 2 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120897	
6	0101122969	Ngữ pháp - Viết 2 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101122968	
NĂM THỨ HAI								
HỌC KỲ 4			22					2
1	0101060029	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh*</i>	8*	5	3	16		
2	0101121911	<i>Mos Powerpoint*</i>	2*	1	1	4	0101123665*	
3	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	6		2
4	0101120903	Nghe - Nói 3 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120899	
5	0101120904	Đọc hiểu 3 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120902	
6	0101122970	Ngữ pháp - Viết 3 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101122969	
HỌC KỲ 5			20					1
1	101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	4	0101122791	1
2	0101120906	Nghe - Nói 4 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120903	
3	0101120908	Đọc hiểu 4 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120904	
4	0101122972	Ngữ pháp - Viết 4 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101122970	
5	0101120914	Địa lý và dân cư Hàn Quốc	3	3	0	6		
6	0101120915	Lịch sử Hàn Quốc	3	3	0	6		
7	0101124117	<i>TOPIK 2A CDR (tiếng Hàn)*</i>	3*	2	1	6		
HỌC KỲ 6			9					1
1	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0101122792	1
2	0101121854	Văn hoá - văn minh phương Đông	2	2	0	4		
3	0101120971	Quan hệ quốc tế ở phương Đông	2	2	0	4		

4	0101124118	TOPIK 2B CĐR (tiếng Hàn)*	3*	2	1	6	0101123031	
NĂM THỨ BA								
HỌC KỲ 7			17					1
1	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0101060020	1
2	0101120911	Nghe - Nói 5 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120906	
3	0101120917	Đọc hiểu 5 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120908	
4	0101122974	Ngữ pháp - Viết 5 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101122972	
5	0161120925	Chính sách đối ngoại Hàn Quốc	3	3	0	6		
6	0101124119	TOPIK 3A CĐR (tiếng Hàn)*	3*	2	1	6	0101123032	
HỌC KỲ 8			21					1
1	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	0	1	2	0101123628	
2	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0101060016	1
3	0101120920	Nghe - Nói 6 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120911	
4	0101120921	Đọc hiểu 6 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101120917	
5	0101122971	Ngữ pháp - Viết 6 (tiếng Hàn)	3	2	1	6	0101122974	
6	0101120918	Văn hóa - xã hội Hàn Quốc	3	3	0	6		
7	0101123892	Thực hành dịch (tiếng Hàn)	3	2	1	6		
8	0101124120	TOPIK 3B CĐR (tiếng Hàn)*	3*	2	1	6	0101123033	
HỌC KỲ 9 (Học kỳ doanh nghiệp)			10					0
1	0160120186	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8		
2	0101124479	Văn hoá doanh nghiệp Hàn Quốc	3	3	0	6		
3	0101124110	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp (Nhật Bản/Hàn Quốc)	3	0	3	6		
NĂM THỨ TƯ								

HỌC KỲ 10			11					2
1	0101124107	Tác phong làm việc trong doanh nghiệp Hàn Quốc	3	3	0	6		
2	0160120187	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	16		
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>								
2a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		1
2b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	1	1	4		1
2c	0101120919	Kinh tế Hàn Quốc	2	2	0	4		
2d	0101124112	Kỹ năng viết văn bản (tiếng Hàn)	2	2	0	4		
<i>Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra.</i>								

IX. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	PL O 10	P L O 11	P L O 12	PL O 13
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	4	X											X	
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	5	X											X	
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6	X											X	
4	0101120600	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	7	X											X	
5	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	X											X	
6	0101120613	Nhập môn Ngành Đông Phương học	1					X			X			X		
7	0101120895	Nghe - Nói 1 (tiếng Hàn)	2			X				X						X
8	0101122968	Ngữ pháp - Viết 1 (tiếng Hàn)	2			X				X						X

9	0101120899	Nghe - Nói 2 (Tiếng Hàn)	3			X				X					X
10	0101122969	Ngữ pháp - Viết 2 (tiếng Hàn)	3			X				X					X
11	0161124298	Tiếng Hàn giao tiếp 1	1			X				X					X
12	0101123626	Văn hóa sinh viên BVU	1	X										X	
13	0161124352	Tiếng Hàn giao tiếp 2	2			X				X					X
14	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	2	X						X				X	
15	0101121854	Văn hóa – văn minh phương Đông	6					X	X		X			X	

II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH

16	0101120971	Quan hệ quốc tế ở phương Đông	6					X	X		X			X	
17	0101120914	Địa lý cư dân Hàn Quốc	8			X				X					X
18	0101120918	Văn hóa xã hội Hàn Quốc	5			X				X					X
19	0101120915	Lịch sử Hàn Quốc	7			X				X					X
20	0101124107	Tác phong làm việc trong doanh nghiệp Hàn Quốc	5			X				X					X
21	0101120925	Chính sách đối ngoại Hàn Quốc	7			X				X					X
22	0101120897	Đọc hiểu 1 (tiếng Hàn)	2			X				X					X
23	0101120902	Đọc hiểu 2 (tiếng Hàn)	3			X				X					X

III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

24	0101123892	Thực hành dịch (tiếng Hàn)	8			X				X					X
25	0101120903	Nghe - Nói 3 (Tiếng Hàn)	4			X				X					X
26	0101120904	Đọc hiểu 3 (tiếng Hàn)	4			X				X					X
27	0101122970	Ngữ pháp - Viết 3 (tiếng Hàn)	4			X				X					X
28	0101120906	Nghe - Nói 4 (Tiếng Hàn)	5			X				X					X
29	0101120908	Đọc hiểu 4 (tiếng Hàn)	5			X				X					X
30	0101122972	Ngữ pháp - Viết 4 (tiếng Hàn)	5			X				X					X
31	0101120911	Nghe - Nói 5 (Tiếng Hàn)	7			X				X					X

32	0101120917	Độc hiểu 5 (tiếng Hàn)	7			X				X					X
33	0101122974	Ngữ pháp - Viết 5 (tiếng Hàn)	7			X				X					X
34	0101120920	Nghe - Nói 6 (Tiếng Hàn)	8			X				X					X
35	0101120921	Độc hiểu 6 (tiếng Hàn)	8			X				X					X
36	0101122971	Ngữ pháp - Viết 6 (tiếng Hàn)	8			X				X					X

IV. HỌC KÌ DOANH NGHIỆP

37	0101120744	Thực tập tốt nghiệp	9				X	X				X	X	X	
38	0101124479	Văn hoá doanh nghiệp Hàn Quốc	9				X	X				X	X	X	
39	0101124110	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp (Nhật Bản/Hàn Quốc)	9				X	X				X	X	X	

V.KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ

Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế

40	0101120743	Khóa luận tốt nghiệp	10			X		X			X				X
----	------------	----------------------	----	--	--	---	--	---	--	--	---	--	--	--	---

Các học phần thay thế khóa luận

40a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	10	X							X	X			X
40b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	10				X					X		X	
40c	0101120919	Kinh tế Hàn Quốc	10			X					X				X
40d	0101124112	Kỹ năng viết văn bản (tiếng Hàn)	10			X				X					X

VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG

41	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	4	X											X
42	0101123628	Giáo dục thể chất*	1	X											X
43	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	8	X											X
44	0101123664	Mos Word*	2		X					X				X	
45	0101123665	Mos Excel*	3		X					X				X	
46	0101121911	Mos Powerpoint*	4		X					X				X	
47	0160124313	Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá*	2				X				X	X	X	X	
48	0101124117	TOPIK 2A CĐR (tiếng Hàn)*	5			X				X					X

49	0101124118	TOPIK 2B CĐR (tiếng Hàn)*	6			X				X					X
50	0101124119	TOPIK 3A CĐR (tiếng Hàn)*	7			X				X					X
51	0101124120	TOPIK 3B CĐR (tiếng Hàn)*	8			X				X					X

X. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần này cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Học phần giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hóa và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi về quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời Hình thái kinh tế Cộng sản Chủ nghĩa, những vấn đề Chính trị - Xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng Xã hội Chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.
4	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các giai đoạn, thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Học phần giúp người

				học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.
5	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần giới thiệu đến sinh viên văn hóa, lịch sử hình thành, phát triển BVU và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, từ đó giúp sinh viên hiểu và tự hào về ngôi trường đang học tập cũng như nơi mình đang sinh sống. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên trang bị những kiến thức, kỹ năng để chủ động hội nhập, trải nghiệm và phát triển trong môi trường đa văn hóa và định hướng quốc tế.
6	0101120613	Nhập môn Ngành Đông Phương học	3	Học phần giúp SV nắm bắt làm quen với môi trường học tập mới, trang bị cho SV kiến thức về ngành học và định hướng nghề nghiệp liên quan đến ngành học; phương pháp và kỹ năng học Đại học. Học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về ngành học; hình thành phương pháp học tập mới phù hợp với yêu cầu của bậc đại học, ngành đào tạo; tự tin, làm chủ quá trình đào tạo, tự thiết kế kế hoạch học tập,...Đồng thời cung cấp cho sinh viên khối kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Nhật Bản/Hàn Quốc.
7	0101122968	Ngữ pháp - Viết 1 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở cấp độ cơ bản nhằm giúp cho sinh viên có thể vận dụng để viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học.
8	0101120895	Nghe - Nói 1 (tiếng Hàn)	3	Cung cấp sinh viên những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề trong bài học và mở rộng vốn hiểu biết về Hàn Quốc thông qua các bài nghe – nói bổ sung lấy từ các giáo trình khác. Từ đó, giúp sinh viên có kiến thức vừa sâu vừa đa dạng để có thể nghe và nói chuyện về những tình huống trong cuộc sống hàng ngày.
9	0101122969	Ngữ pháp - Viết 2 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp liên quan đến các chủ đề. Từ đó rèn luyện kỹ năng viết câu, viết đoạn văn bằng tiếng Hàn theo các chủ đề đó. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên học hỏi thêm về văn hóa giao tiếp và ứng xử của người Hàn.
10	0101120899	Nghe - Nói 2 (Tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng nghe hiểu và tiếp nhận thông tin bằng việc kết hợp các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học. Sinh viên sẽ tập nghe hiểu câu, đoạn văn, hội thoại giao tiếp cũng như tập phản xạ nói nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến.
11	0101124298	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3	Học phần cung cấp khoảng 300 từ vựng quen thuộc, điểm ngữ pháp và tình huống thực tế cơ

				bản giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp cơ bản.
12	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	Giới thiệu văn hóa, lịch sử hình thành, phát triển BVU và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, từ đó giúp sinh viên hiểu và tự hào về ngôi trường đang học tập cũng như nơi mình đang sinh sống. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên trang bị những kiến thức, kỹ năng để hội nhập, trải nghiệm và phát triển trong môi trường đại học tại BVU cũng như tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
13	0101124352	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3	Học phần cung cấp khoảng 300 từ vựng quen thuộc, điểm ngữ pháp và tình huống thực tế cơ bản giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp cơ bản.
14	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	3	Học phần “Pháp luật về hợp đồng” bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến tất cả các loại hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.
15	0101121854	Văn hóa – văn minh phương Đông	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự xuất hiện của các quốc gia cổ đại phương Đông, sự phát triển của các nền văn minh, các thành tựu văn minh chủ yếu (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ).
16	0101120971	Quan hệ quốc tế ở phương Đông	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của các nước ở phương Đông, quan hệ giữa các nước qua các thời kỳ lịch sử, khuynh hướng quan hệ đối ngoại hiện nay...
17	0101120918	Văn hóa xã hội Hàn Quốc	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của Hàn Quốc, được tìm hiểu cụ thể những nét văn hóa đặc trưng nổi bật của người Hàn Quốc để từ đó giúp cho sinh viên hiểu rõ và tự tin hơn trong quá trình làm việc ở các công ty, doanh nghiệp Hàn Quốc sau khi tốt nghiệp. Bài giảng được thực hiện theo quá trình đi từ những thông tin cơ bản nhất về Hàn Quốc và sau đó sẽ tìm hiểu về văn hóa ẩm thực trong bữa ăn hàng ngày, dịp lễ tết, văn hóa sinh hoạt và văn hóa đi lại của người Hàn Quốc.
18	0101120914	Địa lý cư dân Hàn Quốc	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các đặc điểm địa lý, điều kiện tự nhiên

				và sự ảnh hưởng liên quan đến các lĩnh vực khác ở đất nước Hàn Quốc.
19	0101124107	Tác phong làm việc trong doanh nghiệp Hàn Quốc	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy cách ứng xử, tác phong làm việc và những vấn đề liên quan khác tại các doanh nghiệp Hàn Quốc.
20	0101120915	Lịch sử Hàn Quốc	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử Hàn Quốc. Sinh viên hiểu tiến trình lịch sử Hàn Quốc, nắm bắt và sử dụng thành thạo thuật ngữ lịch sử bằng tiếng Hàn.
21	0101120925	Chính sách đối ngoại Hàn Quốc	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại Hàn Quốc qua các giai đoạn lịch sử.
22	0101120897	Đọc hiểu 1 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản đã học bao gồm cả một số điểm ngữ pháp và từ vựng để hoàn thành câu nói giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành kỹ năng đọc hiểu câu, văn bản dưới dạng đơn giản để nắm bắt nhanh ý và nội dung chính qua một số bài học tham khảo. Bên cạnh nội dung bài học trong giáo trình thì sinh viên còn được làm quen với một số dạng bài đọc có cấp độ và nội dung tương đương để trau dồi thêm kỹ năng đọc hiểu.
23	0101120902	Đọc hiểu 2 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu câu, văn bản dưới dạng đơn giản để nắm bắt nhanh ý và nội dung chính. Bên cạnh nội dung bài học trong giáo trình thì sinh viên còn được làm quen với một số dạng bài đọc có cấp độ và nội dung tương đương để trau dồi thêm kỹ năng đọc hiểu, qua đó có thể vận dụng những kiến thức cơ bản đã học bao gồm cả một số điểm ngữ pháp và từ vựng để hoàn thành câu nói giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến.
24	0101123892	Thực hành dịch (tiếng Hàn)	3	Học phần cung cấp khoảng 500 từ vựng quen thuộc, điểm ngữ pháp và tình huống thực tế cơ bản giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phiên dịch và biên dịch
25	0101120903	Nghe - Nói 3 (Tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng nghe hiểu và tiếp nhận thông tin bằng việc kết hợp các điểm ngữ pháp và nguồn từ vựng đã học. Sinh viên sẽ tập nghe hiểu câu, đoạn văn, hội thoại giao tiếp cũng như áp dụng những điểm ngữ pháp đã học cùng với nguồn từ vựng để thực hành nói từ câu đơn giản đến câu dài nhiều ý.

26	0101120904	Đọc hiểu 3 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu câu, văn bản dưới dạng đơn giản để nắm bắt nhanh ý và nội dung chính. Bên cạnh nội dung bài học trong giáo trình thì sinh viên còn được làm quen với một số dạng bài đọc có cấp độ và nội dung tương đương để trau dồi thêm kỹ năng đọc hiểu, qua đó có thể vận dụng những kiến thức cơ bản đã học bao gồm cả một số điểm ngữ pháp và từ vựng để hoàn thành câu nói giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến.
27	0101122970	Ngữ pháp - Viết 3 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở mức độ nâng cao hơn so với cấp độ cơ bản nhằm giúp cho sinh viên có thể viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học.
28	0101120906	Nghe - Nói 4 (Tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng nghe hiểu và tiếp nhận thông tin bằng việc kết hợp các điểm ngữ pháp và nguồn từ vựng đã học. Sinh viên sẽ tập nghe hiểu câu, đoạn văn, hội thoại giao tiếp cũng như tập phản xạ nói nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Nội dung bài nghe được thực hiện từ đơn giản đến khó dần và theo nhiều chủ đề.
29	0101120908	Đọc hiểu 4 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu câu, văn bản ở mức độ nâng cao hơn so với cấp độ cơ bản để nắm bắt nhanh ý và nội dung chính. Bên cạnh nội dung bài học trong giáo trình thì sinh viên còn được làm quen với một số dạng bài đọc có cấp độ và nội dung tương đương để trau dồi thêm kỹ năng đọc hiểu, qua đó có thể vận dụng những kiến thức cơ bản đã học bao gồm cả một số điểm ngữ pháp và từ vựng để hoàn thành câu nói giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến.
30	0101122972	Ngữ pháp - Viết 4 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở mức độ nâng cao hơn so với cấp độ cơ bản nhằm giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu hay viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học. Từ đó sinh viên có thể thực hành viết câu và các đoạn văn cơ bản đến câu có nhiều ý diễn đạt. Nội dung sẽ đi từ câu văn đơn giản đến câu văn kết hợp nhiều ý và chủ đề sẽ được đề chọn một cách đa dạng để sinh viên phát huy sự sáng tạo trong kỹ năng viết.
31			3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng nghe hiểu và tiếp nhận thông tin bằng việc kết

	0101120911	Nghe - Nói 5 (Tiếng Hàn)		hợp các điểm ngữ pháp và nguồn từ vựng đã học. Sinh viên sẽ tập nghe hiểu câu, đoạn văn, hội thoại giao tiếp cũng như tập phản xạ nói nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Nội dung bài nghe được thực hiện từ đơn giản đến khó dần và theo nhiều chủ đề giúp cho sinh viên có thêm nhiều thông tin liên quan đến bài học.
32	0101120917	Đọc hiểu 5 (tiếng Hàn)	3	Học phần chia làm 7 bài với 7 chủ đề khác nhau xoay quanh các chủ đề là: trường lớp, thăm hỏi, sức khỏe, trang phục, ẩm thực, tính cách và ngân hàng. Hàng tuần sinh viên sẽ được tiếp cận với bài học trong giáo trình và các bài học khác không có trong giáo trình nhưng liên quan tới chủ đề đã đưa ra.
33	0101122974	Ngữ pháp - Viết 5 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị những cấu trúc ngữ pháp ở mức độ nâng cao hơn so với cấp độ cơ bản nhằm giúp cho sinh viên có thể viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học. Từ đó sinh viên có thể thực hành viết câu và các đoạn văn cơ bản đến câu có nhiều ý diễn đạt. Nội dung sẽ đi từ câu văn đơn giản đến câu văn kết hợp nhiều ý và chủ đề sẽ được đề chọn một cách đa dạng để sinh viên phát huy sự sáng tạo trong kỹ năng viết.
34	0101120920	Nghe - Nói 6 (Tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng nghe hiểu và tiếp nhận thông tin bằng việc kết hợp các điểm ngữ pháp và nguồn từ vựng đã học. Sinh viên sẽ tập nghe hiểu câu, đoạn văn, hội thoại giao tiếp cũng như tập phản xạ nói nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Nội dung bài nghe được thực hiện từ đơn giản đến khó dần và theo nhiều chủ đề giúp cho sinh viên có thêm nhiều thông tin liên quan đến bài học.
35	0101120921	Đọc hiểu 6 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu và tiếp nhận thông tin bằng việc kết hợp các điểm ngữ pháp và nguồn từ vựng đã học. Sinh viên sẽ tập phân tích câu, đoạn văn, hội thoại giao tiếp ở trình độ nâng cao.
36	0101122971	Ngữ pháp - Viết 6 (tiếng Hàn)	3	Học phần trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở mức độ nâng cao hơn so với cấp độ cơ bản nhằm giúp cho sinh viên có thể thực hành viết câu và các đoạn văn cơ bản đến câu có nhiều ý diễn đạt. Nội dung sẽ đi từ câu văn đơn giản đến câu văn kết hợp nhiều ý và chủ đề sẽ được đề chọn một cách đa dạng để sinh viên phát huy sự sáng tạo trong kỹ năng viết.

37	0101120744	Thực tập tốt nghiệp	4	Học phần giúp cho sinh viên gắn lý luận được trang bị trong quá trình đào tạo với thực tiễn, cụ thể như: • Tiếp cận, tìm hiểu hoạt động của các doanh nghiệp, trên cơ sở đó gắn lý thuyết với thực tế. • Tham gia tích cực vào các hoạt động được doanh nghiệp phân công, đặc biệt tham gia vào các khâu công tác mà sinh viên quan tâm nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ thực tập. • Tạo tiền đề để có thể thực hiện tốt các yêu cầu công tác và nghiên cứu thực tế sau khi ra trường. • Học hỏi, rèn luyện phong cách làm việc, biết ứng xử trong các mối quan hệ tại cơ quan.
38	0101124479	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp, vai trò và các thành phần của văn hóa doanh nghiệp; cách thức xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Hàn Quốc, mối liên hệ giữa văn hóa doanh nghiệp và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; văn hóa doanh nghiệp tác động đến nguồn nhân lực và các mô hình văn hóa doanh nghiệp tiêu biểu của Hàn Quốc.
39	0101124110	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp (Nhật Bản/Hàn Quốc)	3	Học phần giúp cho sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động của các doanh nghiệp Nhật Bản/Hàn Quốc; Tham gia tích cực vào các hoạt động được doanh nghiệp phân công, đặc biệt tham gia vào các khâu công tác mà sinh viên quan tâm nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
40	0101120743	Khóa luận tốt nghiệp	8	Học phần trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các kiến thức đã học để tiến hành một đề tài nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực ngôn ngữ (tiếng Nhật, tiếng Hàn) và đất nước học phương Đông.
41	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	Học phần giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp, các quy tắc liên quan đến cách thức một người chuyên nghiệp hành động và ứng xử trong công ty và có trách nhiệm xã hội tương ứng.
42	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình tìm việc, nhận thức kinh doanh, các khái niệm, quy trình khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các công cụ trong tìm ý tưởng, xây dựng mô hình kinh doanh, tạo lập tổ chức và huy động vốn khởi nghiệp.

43	0101120919	Kinh tế Hàn Quốc	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế Hàn Quốc, kỹ năng nghe nói đọc viết thành thạo các văn bản chuyên ngành kinh tế ở mức cơ bản, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết các tài liệu lĩnh vực kinh tế Hàn Quốc.
44	0101124112	Kỹ năng viết văn bản (tiếng Hàn)	2	Học phần trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các kiến thức đã học để thực hành viết các loại văn bản trong tiếng Hàn.
45	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	8*	<i>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</i>
46	0101123628	Giáo dục thể chất*	2*	<i>Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của võ (Vovinam) đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện võ (Vovinam). Khi tập luyện võ (Vovinam) giúp tăng cường sức khỏe; tăng cường sức chịu đựng; cải thiện sức khỏe tinh thần; tăng tính kỷ luật...</i>
47	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	<i>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về rèn luyện sức khỏe bằng việc luyện tập nhảy dân vũ. Nhằm mục đích nâng cao hiệu quả giảng dạy học phần “Giáo dục thể chất”, tạo sân chơi bổ ích cho sinh viên có cơ hội sinh hoạt tập thể, thắt chặt tinh thần đoàn kết, tích lũy kiến thức, thực hành các kỹ năng được trang bị trong chương trình học tập ngoại khóa với các bài nhảy nhiều màu sắc khác nhau, thể hiện tính sáng tạo, khả năng làm việc nhóm, sự tự tin tham gia các hoạt động tập thể của sinh viên trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.</i>
48	0101123664	Mos Word*	2*	<i>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ cơ bản như: thiết lập chung, định dạng kí tự, định dạng trang văn bản, tùy biến định dạng, chèn các đối tượng đến các chức năng nâng cao như: điều khiển luồng văn bản, liên kết, mục lục, trộn thư,... nhằm giúp sinh viên vận dụng các công cụ của phiên bản Microsoft Office Word một cách hiệu quả, giúp tiết kiệm nhiều thời gian cho việc xử lý văn bản ngắn cũng như văn bản dài nhiều trang, như báo cáo tiểu luận, luận văn,....</i>

49	0101123665	Mos Excel*	2*	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ việc tạo, chỉnh sửa, định dạng dữ liệu, làm việc với công thức và in ấn các trang tính Excel đến việc sử dụng các công cụ của Microsoft Office Excel để trình bày, phân tích dữ liệu một cách hiệu quả.
50	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	Học phần Mos Powerpoint cung cấp cho người học những kiến thức căn bản từ thiết lập chung trong MS Powerpoint, soạn thảo, định dạng nội dung cho trang chiếu (slide), chèn và tùy chỉnh các đối tượng đồ họa, đa phương tiện, thiết lập hiệu ứng cho slide và các đối tượng trên slide đến các thiết lập tùy chỉnh trình chiếu để xây dựng bài thuyết trình lôi cuốn, ấn tượng nhanh chóng và hiệu quả.
51	0161124313	Kỹ năng giao tiếp liên văn hóa*	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về giao tiếp cơ bản, về sự đa dạng trong giao tiếp giữa các nền văn hóa, vai trò của các nền văn hoá trong một bối cảnh xã hội và liên quan đến môi trường kinh doanh, cũng như bối cảnh kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế, từ đó rèn luyện các kỹ năng giao tiếp liên văn hóa cho sinh viên
52	0101124117	TOPIK 2A CĐR (tiếng Hàn)*	3*	Học phần trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở mức độ cơ bản và nâng cao dần nhằm giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu hay viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học ở mức độ hoàn thành được dạng đề thi năng lực tiếng Hàn ở cấp độ sơ cấp. Học còn cung cấp các dạng bài tập của TOPIK để sinh viên áp dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
53	0101124118	TOPIK 2B CĐR (tiếng Hàn)*	3*	Học phần trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở mức độ cơ bản và nâng cao dần nhằm giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu hay viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học ở mức độ hoàn thành được dạng đề thi năng lực tiếng Hàn ở cấp độ sơ cấp. Học còn cung cấp các dạng bài tập của TOPIK để sinh viên áp dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
54	0101124119	TOPIK 3A CĐR (tiếng Hàn)*	3*	Học phần trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở cấp độ 3 nhằm giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu hay viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học ở mức độ hoàn thành được dạng đề thi năng lực tiếng Hàn ở cấp độ 3. Học còn cung cấp các dạng bài tập của TOPIK để sinh viên áp dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
55	0101124120	TOPIK 3B CĐR (tiếng Hàn)*	3*	Học phần trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở cấp độ 3 nhằm giúp cho sinh viên có

				thể đọc hiểu hay viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học ở mức độ hoàn thành được dạng đề thi năng lực tiếng Hàn ở cấp độ 3. Học còn cung cấp các dạng bài tập của TOPIK để sinh viên áp dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
--	--	--	--	--

XI. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy vai trò chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo.

Hình thức đánh giá kết quả học tập được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo hiện hành, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá học phần, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ của chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XII. Đề cương chi tiết học phần: Đính kèm.

HIỆU TRƯỞNG

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 20..

P.TRƯỞNG KHOA

PGS. TS. LS Nguyễn Thị Hoài Phương

ThS. Lâm Ngọc Như Trúc

